

QUYẾT ĐỊNH

Công bố thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, hủy công khai trong lĩnh vực đấu thầu phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ Nghị định số 89/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2022 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý đấu thầu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, hủy công khai trong lĩnh vực đấu thầu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (theo các Phụ lục I và II ban hành kèm theo).

Nội dung công bố thủ tục hành chính tại Quyết định này được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, chuyên mục “Thủ tục hành chính” tại địa chỉ:

<https://vbpl.mpi.gov.vn/ChiTiet/pdf.088f4262-7d25-454a-9e19-4c3893951df8>

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các Quyết định: Số 244/QĐ-BKHĐT ngày 12 tháng 3 năm 2019 công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đấu thầu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; số 1901/QĐ-BKHĐT ngày 03 tháng 12 năm 2019 công bố danh mục thủ tục hành chính bổ sung trong lĩnh vực đấu thầu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Quyết định số 1794/QĐ-BKHĐT ngày 03 tháng 11 năm 2022; Quyết định số 321/QĐ-BKHĐT ngày 18 tháng 3 năm 2024 công bố thủ tục hành chính mới trong lĩnh vực đấu thầu lựa chọn nhà thầu, lựa chọn nhà đầu tư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý đấu thầu và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Trần Quốc Phương;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND, Sở KH&ĐT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Trung tâm CNTT (để đưa tin, đồng bộ TTHC trên cổng DVC của Bộ);
- Các đơn vị: Vụ PC, TCCB, VP (P.THKS);
- Lưu: VT, QLĐT **L.04**

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

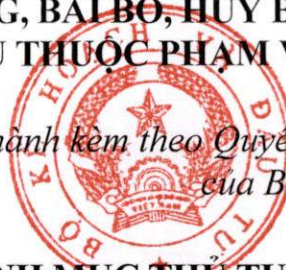


Nguyễn Thị Bích Ngọc

Phụ lục I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BẮT BỎ, HỦY BỎ, HỦY CÔNG KHAI TRONG LĨNH VỰC ĐẦU THẦU THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1351/QĐ-BKHĐT ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)



A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG, CẤP TỈNH				
Mục 1. Lĩnh vực đấu thầu				
1	Cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 (Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15)	Cục Quản lý đấu thầu thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	
2	Cấp lại chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	- Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu (Nghị định số 24/2024/NĐ-CP)		
3	Gia hạn chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	- Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT ngày 06/03/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và thi, cấp, thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu (Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT)		
4	Thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu			

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG				
1	Đăng ký tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia đối với nhà thầu, nhà đầu tư	- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15	Trung tâm Đấu thầu qua mạng quốc gia, Cục Quản lý đấu thầu thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Mã hồ sơ TTHC: 2.002610
2	Cập nhật thông tin tài khoản của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	- Nghị định số 24/2024/NĐ-CP		Mã hồ sơ TTHC: 2.002611

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ, HỦY BỎ, HỦY CÔNG KHAI

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	Ghi chú
Mục 1. Đấu thầu				
1	Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu	- Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13	Cục Quản lý đấu thầu thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Mã hồ sơ TTHC: 2.000124
2	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu	- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP		Mã hồ sơ TTHC: 2.002246
3	Thu hồi chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu	- Thông tư số 03/2016/TT-BKHĐT - Thông tư số 04/2019/TT-BKHĐT		Mã hồ sơ TTHC: 2.002247
Mục 2. Đấu thầu lựa chọn nhà thầu, lựa chọn nhà đầu tư				
4	Chấm dứt hoặc tạm ngừng tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	- Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP	Cục Quản lý đấu thầu thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Mã hồ sơ TTHC: 2.002270
5	Khôi phục việc tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	- Nghị định số 25/2020/NĐ-CP - Nghị định số 95/2020/NĐ-CP - Nghị định số 09/2022/NĐ-CP - Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT - Thông tư số 10/2022/TT-BKHĐT - Thông tư số 12/2022/TT-BKHĐT - Thông tư số 15/2022/TT-BKHĐT - Thông tư số 20/2022/TT-BKHĐT - Thông tư số 21/2022/TT-BKHĐT		Mã hồ sơ TTHC: 2.002271
6	Đăng ký tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (đối với nhà đầu tư)	- Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 - Nghị định số	Cục Quản lý đấu thầu thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Mã hồ sơ TTHC: 2.000132

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	Ghi chú
7	Thay đổi, bổ sung các thông tin của nhà thầu, nhà đầu tư đăng ký tham gia vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	63/2014/NĐ-CP - Nghị định số 25/2020/NĐ-CP - Nghị định số 95/2020/NĐ-CP - Nghị định số 09/2022/NĐ-CP - Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT - Thông tư số 10/2022/TT-BKHĐT - Thông tư số 12/2022/TT-BKHĐT - Thông tư số 15/2022/TT-BKHĐT - Thông tư số 20/2022/TT-BKHĐT - Thông tư số 21/2022/TT-BKHĐT	Cục Quản lý đấu thầu thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Mã hồ sơ TTHC: 1.000103

Phụ lục II

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐẤU THẦU THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1351 /QĐ-BKHĐT ngày 14 tháng 6 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI

I. Cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu

1. Trình tự thực hiện

(i) Cá nhân có nhu cầu cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu thực hiện hồ sơ đăng ký thi, cấp chứng chỉ trên Hệ thống quản lý cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu có địa chỉ tại <https://chungchidauthau.mpi.gov.vn>; thời gian dự kiến tổ chức thi, chi phí dự thi được thông báo trên Hệ thống trước ngày thi dự kiến tối thiểu 30 ngày.

(ii) Cá nhân được đưa vào danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi khi đã đăng ký thành công và nộp đầy đủ chi phí dự thi theo quy định của Thông tư.

(iii) Cá nhân có tên trong danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi tham dự kỳ thi do các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Cục Quản lý đấu thầu hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức (sau đây gọi là đơn vị tổ chức thi).

(iv) Chức năng thi trực tuyến trên Hệ thống tự động chấm điểm bài thi của thí sinh theo đề thi và đáp án tương ứng.

(v) Cục Quản lý đấu thầu hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là cơ quan cấp, thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu) công khai quyết định công nhận kết quả thi trên Hệ thống trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành.

(vi) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định công nhận kết quả thi, đơn vị tổ chức thi trình cơ quan cấp, thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu ban hành quyết định cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.

(vii) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ trình của đơn vị tổ chức thi, cơ quan cấp, thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu ban hành quyết định cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu; cơ quan cấp, thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu công khai quyết định cấp chứng chỉ trên Hệ thống trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành.

(viii) Cá nhân được cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu trong

thời hạn tối đa 15 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định cấp chứng chỉ.

2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến trên Hệ thống.

3. Thành phần hồ sơ:

a) Đơn đăng ký thi theo Mẫu số 03 Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT.

b) 01 ảnh màu mới chụp không quá 06 tháng, cỡ 3cm x 4cm, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, rõ mặt, rõ hai tai, không đeo kính, trang phục lịch sự.

4. Số bộ hồ sơ: 01 bộ.

5. Thời hạn giải quyết:

Cá nhân được cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu trong thời hạn tối đa 23 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định công nhận kết quả thi.

6. Cơ quan thực hiện:

- Thủ tục hành chính cấp Trung ương: Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Thủ tục hành chính cấp tỉnh: Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

7. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.

9. Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí): Chi phí thi, cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu tối đa 800.000 đồng/thí sinh/kỳ thi (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng phải nộp theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật này).

10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm): Mẫu đơn đăng ký theo Mẫu số 03 Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT.

11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có): có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đạt kỳ thi nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu theo quy định tại Thông tư.

12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023.

- Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

- Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT ngày 06 tháng 03 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và thi, cấp, thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.

Mẫu đơn đăng ký thi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu

Mẫu số 03 (webform trên Hệ thống)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

ĐĂNG KÝ THI
CHỨNG CHỈ NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN VỀ ĐẤU THẦU

Kính gửi :

1. Họ và tên (*chữ in hoa*):Nam/Nữ:.....
2. Sinh ngày: tháng năm
3. Số thẻ căn cước/hộ chiếu:.....
4. Số điện thoại liên hệ:.....
5. Email:.....
6. Địa chỉ nhận chứng chỉ:
7. Địa điểm đăng ký dự thi:
8. Đơn vị tổ chức thi:
9. Thời gian đăng ký dự thi:

Tôi xin cam đoan những nội dung kê khai nêu trên là trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai trong đơn./.

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký, ghi rõ họ tên)

II. Cấp lại chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu

1. Trình tự thực hiện

(i) Cá nhân có nhu cầu cấp lại chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu thực hiện đề nghị cấp lại chứng chỉ trên Hệ thống. Hệ thống quản lý cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu có địa chỉ tại <https://chungchidauthau.mpi.gov.vn>.

(ii) Cục Quản lý đấu thầu ban hành quyết định cấp chứng chỉ, Sở Kế hoạch và Đầu tư ban hành quyết định cấp chứng chỉ.

(iii) Cá nhân được cấp lại chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định cấp lại chứng chỉ.

2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến trên Hệ thống.

3. Thành phần hồ sơ:

a) Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 04 Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT.

b) 01 ảnh màu mới chụp không quá 06 tháng, cỡ 3cm x 4cm, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, rõ mặt, rõ hai tai, không đeo kính, trang phục lịch sự.

c) Bản gốc chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu còn hiệu lực nhưng bị hư hỏng hoặc bị ghi sai thông tin. Trường hợp bị mất chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu thì phải có cam kết của người đề nghị cấp lại (đính kèm tệp tin ảnh màu chụp từ bản chính chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu hoặc bản cam kết vào hồ sơ đề nghị cấp lại trên Hệ thống).

4. Số bộ hồ sơ: 01 bộ.

5. Thời hạn giải quyết:

Cá nhân được cấp lại chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu trong thời hạn tối đa 07 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định cấp lại chứng chỉ.

6. Cơ quan thực hiện:

- Thủ tục hành chính cấp Trung ương: Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Thủ tục hành chính cấp tỉnh: Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

7. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.

9. Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí): Chi phí cấp lại chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu 100.000 đồng/lần (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng phải nộp theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng và các

văn bản hướng dẫn thực hiện Luật này). Không thu phí cấp lại chứng chỉ đối với trường hợp cơ quan cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu ghi sai thông tin trên chứng chỉ.

10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm): Mẫu đơn đăng ký theo Mẫu số 04 Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT.

11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có): Cấp lại chứng chỉ được thực hiện trong trường hợp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu đã được cấp còn thời hạn nhưng bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị ghi sai thông tin.

12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023.

- Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

- Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT ngày 06 tháng 03 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và thi, cấp, thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.

Mẫu đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu

Mẫu số 04 (webform trên Hệ thống)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
CHỨNG CHỈ NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN VỀ ĐẤU THẦU

Kính gửi :

1. Họ và tên (*chữ in hoa*):Nam/Nữ:.....
2. Sinh ngày: tháng năm
3. Số thẻ căn cước/hộ chiếu:.....
4. Số điện thoại liên hệ:
5. Email:
6. Địa chỉ nhận chứng chỉ:
7. Địa điểm dự thi:
8. Cơ quan cấp chứng chỉ:
9. Thời gian dự thi:
10. Số chứng chỉ đã được cấp:ngày cấp.....
11. Lý do đề nghị cấp lại:

Tôi xin cam đoan những nội dung kê khai nêu trên là trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai trong đơn./.

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký, ghi rõ họ tên)

III. Gia hạn chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu

1. Trình tự thực hiện

(i) Cá nhân có nhu cầu cấp gia hạn chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu thực hiện đăng ký gia hạn hiệu lực chứng chỉ trên Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 15 ngày trước ngày hết hiệu lực của chứng chỉ. Sau thời hạn này, cá nhân không được đăng ký gia hạn hiệu lực chứng chỉ và phải dự thi, cấp chứng chỉ lần đầu theo quy định Thông tư. Hệ thống quản lý cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu có địa chỉ tại <https://chungchidauthau.mpi.gov.vn>.

(ii) Cục Quản lý đấu thầu ban hành quyết định cấp chứng chỉ, Sở Kế hoạch và Đầu tư ban hành quyết định cấp chứng chỉ.

(iii) Cá nhân được cấp gia hạn hiệu lực chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu trong thời hạn tối đa 07 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định cấp gia hạn chứng chỉ.

2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến trên Hệ thống.

3. Thành phần hồ sơ:

a) Đơn đề nghị cấp gia hạn theo Mẫu số 05 Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT.

b) 01 ảnh màu mới chụp không quá 06 tháng, cỡ 3cm x 4cm, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, rõ mặt, rõ hai tai, không đeo kính, trang phục lịch sự.

4. Số bộ hồ sơ: 01 bộ.

5. Thời hạn giải quyết:

Cá nhân được cấp gia hạn chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu trong thời hạn tối đa 07 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định cấp gia hạn chứng chỉ.

6. Cơ quan thực hiện:

- Thủ tục hành chính cấp Trung ương: Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Thủ tục hành chính cấp tỉnh: Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

7. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.

9. Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí): Chi phí cấp gia hạn chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu 100.000 đồng/lần (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng phải nộp theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật này).

10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm): Mẫu đơn đăng ký theo Mẫu số 05 Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT.

11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có): Cấp gia hạn chứng chỉ được thực hiện trong trường hợp chứng chỉ hết hiệu lực theo quy định của Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT. Cá nhân có nhu cầu gia hạn hiệu lực thực hiện đăng ký gia hạn.

12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023.
- Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.
- Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT ngày 06 tháng 03 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và thi, cấp, thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.

Mẫu đơn đề nghị gia hạn chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu*Mẫu số 05 (webform trên Hệ thống)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

**ĐỀ NGHỊ GIA HẠN
CHỨNG CHỈ NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN VỀ ĐẤU THẦU**

Kính gửi :.....

1. Họ và tên (*chữ in hoa*):Nam/Nữ:.....
2. Sinh ngày: tháng năm
3. Số thẻ căn cước/hộ chiếu:.....
4. Số điện thoại liên hệ:.....
5. Email:.....
6. Địa chỉ nhận chứng chỉ:
7. Số chứng chỉ đã được cấp:ngày cấp.....

Tôi xin cam đoan những nội dung kê khai nêu trên là trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai trong đơn./.

NGƯỜI LÀM ĐƠN*(Ký, ghi rõ họ tên)*

IV. Thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu

1. Trình tự thực hiện

(i) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu, cơ quan cấp chứng chỉ gửi quyết định thu hồi chứng chỉ cho cá nhân bị thu hồi và đăng tải thông tin trên Hệ thống, Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

(ii) Cá nhân bị thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu phải nộp lại bản gốc chứng chỉ cho cơ quan ra quyết định thu hồi chứng chỉ trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi. Trường hợp cá nhân bị thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu không nộp lại chứng chỉ, cơ quan cấp chứng chỉ quyết định hủy chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu, gửi thông báo cho cá nhân bị hủy chứng chỉ và đăng tải thông tin trên Hệ thống, Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, đồng thời gửi thông tin đến Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, theo dõi;

(iii) Thông tin của cá nhân bị thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu trong cơ sở dữ liệu trên Hệ thống thể hiện trạng thái “chứng chỉ bị thu hồi”.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

3. Thành phần hồ sơ:

Bản gốc chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.

4. Số bộ hồ sơ: 01 bộ.

5. Thời hạn giải quyết:

Cá nhân bị thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu phải nộp lại bản gốc chứng chỉ cho cơ quan ra quyết định thu hồi chứng chỉ trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi.

6. Cơ quan thực hiện:

- Thủ tục hành chính cấp Trung ương: Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

- Thủ tục hành chính cấp tỉnh: Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

7. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.

9. Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí): Không.

10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm): Không.

11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có): Cá nhân là thành viên tổ chuyên gia, tổ thẩm định bị thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu

trong trường hợp có hành vi vi phạm bị xử lý theo quy định tại Khoản 9 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu bao gồm các hành vi sau:

1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.
2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dưới mọi hình thức.
3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây:
 - a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị hồ sơ dự thầu hoặc rút hồ sơ dự thầu để một bên trúng thầu;
 - b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu;
 - c) Nhà thầu, nhà đầu tư có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được bên mời thầu yêu cầu làm rõ hồ sơ dự thầu hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu.
4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây:
 - a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu;
 - b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư.
5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây:
 - a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;
 - b) Cản trở người có thẩm quyền, chủ đầu tư, bên mời thầu, nhà thầu, nhà đầu tư trong lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư;
 - c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu;
 - d) Cố tình khiếu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu;

đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng.

6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây:

a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu, nhà đầu tư đối với gói thầu, dự án đấu thầu kinh doanh do mình làm bên mời thầu, chủ đầu tư hoặc thực hiện các nhiệm vụ của bên mời thầu, chủ đầu tư không đúng quy định của Luật này;

b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với cùng một gói thầu, dự án đấu thầu kinh doanh;

c) Tham gia đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư đối với cùng một gói thầu, dự án đấu thầu kinh doanh;

d) Cá nhân thuộc bên mời thầu, chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư hoặc là người có thẩm quyền, người đứng đầu chủ đầu tư, bên mời thầu đối với các gói thầu, dự án đấu thầu kinh doanh do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu, nhà đầu tư tham dự thầu;

đ) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, phi tư vấn do nhà thầu đó cung cấp dịch vụ tư vấn: lập, thẩm tra, thẩm định dự toán, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế kỹ thuật tổng thể (thiết kế FEED); lập, thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu; đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu; kiểm định hàng hóa; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; giám sát thực hiện hợp đồng;

e) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án, dự án đấu thầu kinh doanh do chủ đầu tư, bên mời thầu là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày thôi việc tại cơ quan, tổ chức đó;

g) Nhà thầu tư vấn giám sát đồng thời thực hiện tư vấn kiểm định đối với gói thầu do nhà thầu đó giám sát;

h) Áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư không phải là hình thức đấu thầu rộng rãi khi không đủ điều kiện theo quy định của Luật này;

i) Nêu yêu cầu cụ thể về nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa trong hồ sơ mời thầu đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp hoặc gói thầu hỗn hợp khi áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10, khoản 2 Điều 44 và khoản 1 Điều 56 của Luật này;

k) Nêu điều kiện trong hồ sơ mời thầu nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu, nhà đầu tư hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu, nhà đầu tư gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 44 và khoản 2 Điều 48 của Luật này;

l) Chia nhỏ dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu nhằm mục đích chỉ định thầu; chia dự án, dự toán mua sắm nhằm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu.

7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại điểm b khoản 8 và điểm g khoản 9 Điều 77, khoản 11 Điều 78, điểm h khoản 1 Điều 79, khoản 4 Điều 80, khoản 4 Điều 81, khoản 2 Điều 82, điểm b khoản 4 Điều 93 của Luật này, bao gồm:

a) Nội dung hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trước thời điểm phát hành theo quy định;

b) Nội dung hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; nội dung yêu cầu làm rõ hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất của bên mời thầu và trả lời của nhà thầu, nhà đầu tư trong quá trình đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; báo cáo của bên mời thầu, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất trước khi được công khai theo quy định;

c) Kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trước khi được công khai theo quy định;

d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.

8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau:

a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng;

b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất mà không được chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận;

c) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này;

d) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng.

9. Tổ chức lựa chọn nhà thầu khi chưa xác định được nguồn vốn theo quy định tại khoản 3 Điều 39 của Luật này.

12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;
- Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.
- Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT ngày 06 tháng 03 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và thi, cấp, thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

I. Đăng ký tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (đối với nhà thầu, nhà đầu tư)

1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Đăng ký thông tin nhà thầu, nhà đầu tư
 - + Nhà thầu, nhà đầu tư đăng ký các thông tin của đơn vị mình trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tại địa chỉ <https://muasamcong.mpi.gov.vn> (Hệ thống);
 - + Nhà thầu, nhà đầu tư in đơn đăng ký từ Hệ thống; gửi đính kèm Hồ sơ đăng ký theo quy định tại điểm c khoản 1 mục 1 trên Hệ thống.
- Bước 2: Nhận kết quả xử lý Hồ sơ đăng ký và thông tin tài khoản đăng nhập của Tổ chức tham gia Hệ thống qua thư điện tử.

2. Cách thức thực hiện:

- Nhà thầu, nhà đầu tư nhập thông tin đăng ký được hình thành trên Hệ thống và nộp Hồ sơ đăng ký trên Hệ thống theo Hướng dẫn sử dụng.

3. Thành phần hồ sơ:

- Tổ chức nộp Hồ sơ đăng ký trên Hệ thống gồm các tài liệu sau:
 - (i) Đơn đăng ký hình thành trên Hệ thống được ký, đóng dấu (nếu có) bởi đại diện hợp pháp của tổ chức;
 - (ii) Giấy ủy quyền (nếu có);
 - (iii) Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác hoặc các tài liệu tương đương khác trong trường hợp tổ chức không có tên trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp;
- Cá nhân nộp Hồ sơ đăng ký trên Hệ thống gồm các tài liệu sau:
 - (i) Đơn đăng ký hình thành trên Hệ thống được ký bởi cá nhân đăng ký;
 - (ii) Bản chụp hộ chiếu hoặc tài liệu tương đương đối với cá nhân mang quốc tịch nước ngoài.

4. Số bộ hồ sơ: 01 bộ.

5. Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đăng ký.

6. Cơ quan thực hiện:

- Trung tâm Đấu thầu qua mạng quốc gia - Cục Quản lý đấu thầu - Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

7. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đấu thầu.

8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Nhà thầu, nhà đầu tư có tên trong danh sách cơ sở dữ liệu nhà thầu, nhà đầu tư được phê duyệt trên Hệ thống, được cấp Tài khoản tham gia Hệ thống.

9. Lệ phí: Không

10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Thực hiện theo Mẫu đã được webform trên Hệ thống và được hướng dẫn trong quá trình thực hiện đăng ký.

11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục: Không

12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15;

- Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

II. Cập nhật thông tin tài khoản của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Nhà thầu, nhà đầu tư cập nhật thông tin tài khoản trên Hệ thống

+ Nhà thầu, nhà đầu tư đăng nhập tài khoản của đơn vị mình trên Hệ thống tại địa chỉ <https://muasamcong.mpi.gov.vn>;

+ Nhà thầu, nhà đầu tư tự kê khai bổ sung/sửa đổi thông tin cần cập nhật bao gồm: thông tin đã được phê duyệt khi đăng ký tham gia Hệ thống; vai trò trong hoạt động đấu thầu; thông tin về trạng thái tham gia (chấm dứt, tạm ngừng, khôi phục tạm ngừng);

+ Nhà thầu, nhà đầu tư ký số trực tuyến vào Phiếu yêu cầu cập nhật thông tin trên Hệ thống hoặc in Phiếu yêu cầu cập nhật thông tin từ Hệ thống, ký, đóng dấu (nếu có) và đính kèm bản scan Phiếu này trên Hệ thống.

- Bước 2: Nhận kết quả xử lý yêu cầu cập nhật thông tin thông tin trên Hệ thống qua thư điện tử.

2. Cách thức thực hiện:

- Nhà thầu, nhà đầu tư cập nhật thông tin trên Hệ thống và nộp Phiếu yêu cầu cập nhật thông tin trên Hệ thống theo Hướng dẫn sử dụng.

3. Thành phần hồ sơ:

- Tổ chức, cá nhân nộp Phiếu yêu cầu cập nhật thông tin được ký, đóng dấu (nếu có) bởi đại diện hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5. Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.

6. Cơ quan thực hiện:

- Trung tâm Đấu thầu qua mạng quốc gia - Cục Quản lý đấu thầu - Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

7. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đấu thầu.

8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Thông tin của nhà thầu, nhà đầu tư được cập nhật trên Hệ thống.

9. Lệ phí: Không

10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm):

- Thực hiện theo Mẫu đã được webform trên Hệ thống và được hướng dẫn trong quá trình cập nhật thông tin.

11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục: Không

12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15;

- Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.